

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **535/2020/DS-PT**

Ngày: 18/6/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Cúc

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Bảo Nguyên
2. Bà Phạm Thị Mai Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương, cán bộ Tòa án nhân dân TP.HCM

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang – Kiểm sát viên

Trong các ngày 19 tháng 5 và 18 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân TP.HCM xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 621/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 328/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, TP.HCM bị kháng cáo.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 3352/2020/QĐDS-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020 thay thế Quyết định hoãn phiên tòa số 2764/2020/QĐDS-PT ngày 25 tháng 3 năm 2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 926/2020/QĐDS-PT ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Phạm Ngọc M. , sinh năm 1970 (Vắng mặt)

1.2 Bà Dương Thị Thái H., sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Cư trú: Khu phố 2, thị trấn TM, huyện HT, tỉnh BT

- Người đại diện ủy quyền ngày 17/02/2020: Ông Đỗ Ngân V. (Vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Huỳnh Quốc T., sinh năm 1982

2.2 Bà Võ Thị Diệu L. , sinh năm 1983

Cùng cư trú: 4/4 ấp 3, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Quốc T. và bà Võ Thị Diệu L. (Vắng mặt)

- Người đại diện ủy quyền ngày 07/8/2018: Ông Lê Trường H.(Có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Bà Võ Thị Như Q.– Luật sư, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện gửi ngày 28/5/2018; Bản tự khai ngày 27/6/2018 và ngày 24/4/2019, nguyên đơn và đại diện ủy quyền trình bày:

Vợ chồng ông Huỳnh Quốc T., bà Võ Thị Diệu L. (gọi tắt vợ chồng ông Huỳnh Quốc T.) có ký giấy mượn tiền của vợ chồng tôi như sau:

Ngày 16/3/2012, vay 150 triệu đồng, lãi suất 3%/tháng, không thời hạn trả;

Ngày 27/4/2012, vay 200 triệu đồng, lãi suất 4%/tháng, không thời hạn trả, có nhận bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 216286, sổ vào sổ cấp GCN: CH01640 ngày 12/3/2012 (gọi tắt Giấy CNQSDĐ ngày 12/3/2012) của Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) huyện NB.cấp cho vợ chồng ông Huỳnh Quốc T..

Do không trả tiền vay và lãi, kể cả nhận Thông báo yêu cầu trả nợ ngày 25/4/2018, vợ chồng tôi khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện NB.buộc vợ chồng ông Huỳnh Quốc T. trả 350 triệu đồng và lãi suất theo pháp luật.

Bản tự khai ngày 07/8/2018, Bản tự khai ngày 07/8/2018, Đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ ký; chữ viết ngày 16/10/2018, Đơn yêu cầu trưng cầu giám định lại ngày 27/6/2019, bị đơn và người đại diện ủy quyền trình bày:

Vợ chồng tôi có ký giấy mượn 150 triệu đồng ngày 16/3/2012, lãi suất 5%/tháng và có thể chấp bản chính giấy tờ đất của UBND huyện NB.cho vợ chồng ông Phạm Ngọc M. , bà Dương Thị Thái H. (gọi tắt vợ chồng ông Phạm Ngọc M.). Vợ chồng tôi đã trả lãi suất 36 tháng là 270 triệu đồng, trong đó có 4 kỳ trả lãi vào tháng 4, 5, 6, 7/2012 là 30 triệu đồng vào tài khoản 4802205001478 của bà Dương Thị Thái H. và các lần trả lãi còn lại bằng tiền mặt nhưng không có văn bản ký nhận. Vợ chồng tôi yêu cầu được trả hết số tiền vay và nhận lại bản chính giấy tờ thể chấp nhưng vợ chồng ông Phạm Ngọc M. không chịu nên đã ngưng không trả nợ gốc và lãi từ tháng 5/2015 đến nay.

Riêng số tiền vay ngày 27/4/2012 là không có thật vì bà Võ Thị Diệu L. không có ký tên. Do đó, vợ chồng tôi chỉ đồng ý trả 150 triệu đồng và lãi suất còn lại theo pháp luật nhưng phải trừ đi số tiền lãi đã trả 270 triệu đồng.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký (BL40), kể cả giám định lại (BL49) theo yêu cầu của bà Võ Thị Diệu L. và áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (BL84) đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số CC 867396 ngày 22/02/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM (gọi tắt Giấy CNQSDĐ ngày 22/02/2016) và hiện bị đơn đã thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi tắt AGRIBANK) – Chi nhánh Phước Kiển – Phòng giao dịch Thanh niên (BL74) để vay tiền (BL69) trong hạn 12 tháng, kể từ ngày 31/01/2018, ngay khi nguyên đơn đã nộp số tiền để thực hiện biện pháp bảo đảm (BL79). Việc hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện NB.tuyên xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay và lãi tính đến ngày 31/10/2019 là 707.206.250 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật và còn phải chịu lãi suất chậm trả khi thi

hành án. Ngoài ra, còn tuyên về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị và thi hành án dân sự.

Ngày 21/11/2019, bị đơn gửi đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Lê Trường H. cho biết vợ chồng ông Phạm Ngọc M. chưa thực hiện xong hợp đồng tín dụng mặc dù đã hết hạn từ ngày 31/01/2019. Ông Huỳnh Quốc T. không có ký tên vay số tiền 200 triệu đồng. Đồng thời, không có tài liệu nộp chứng minh là không có vay 200 triệu đồng cũng như đã trả vốn vay và lãi của 150 triệu đồng. Thống nhất ý kiến của bà Võ Thị Như Q. đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn do đã thanh toán cho nguyên đơn, không chấp nhận tính lãi suất của 150 triệu đồng vì hết thời hiệu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và lời trình bày của bà Võ Thị Như Q., ông Lê Trường H.. Do án sơ thẩm có thiếu sót về xác định tư cách tham gia tố tụng của AGRIBANK – Chi nhánh Phước Kiển – Phòng giao dịch Thanh niên, về giải tỏa số tiền của nguyên đơn nộp để buộc thực hiện biện pháp bảo đảm, về việc cần phải tuyên tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về hiệu lực của Giấy CNQSDĐ ngày 12/3/2012 đã được thay thế Giấy CNQSDĐ ngày 22/02/2016 nêu trong quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về chi phí giám định (BL91) phải tuyên trong quyết định của bản án nên cần phải sửa một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận giữa các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của bị đơn gửi ngày 21/11/2019 (BL147), kể từ ngày đại diện bị đơn nhận bản án trên vào ngày 20/11/2019 (BL07) phù hợp khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[2] Xét đơn xin vắng mặt của nguyên đơn và ông Đỗ Ngân V., bị đơn vắng mặt nhưng có ông Lê Trường H. đại diện tham gia phiên tòa phù hợp Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, ông Lê Trường H. khẳng định: bị đơn không có tài liệu cung cấp để chứng minh việc bà Võ Thị Diệu L. không có ký tên trong Giấy mượn tiền ngày 27/4/2012 nên không có nhận số tiền vay 200 triệu đồng của nguyên đơn, kể cả đã trả số tiền vay 150 triệu đồng và lãi suất 5%/tháng của số tiền này là 270 triệu đồng trong đó có 30 triệu đồng trả lãi vào tài khoản của bà Dương Thị Thúy H. từ ngày 01/4/2012 đến ngày 30/7/2012 tại AGRIBANK Chi nhánh Hàm Tân – Bình Thuận nên bà Võ Thị Như Q. – Luật sư và bị đơn đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Tại phiên tòa, ông Lê Trường H. cho rằng ông Huỳnh Quốc T. không có ký tên Giấy mượn tiền ngày 27/4/2012, nhưng không chứng minh khoản tiền vay này là của riêng bà Võ Thị Diệu L. nên số tiền vay 200 triệu đồng được xem là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó không

đồng ý cùng với bà Võ Thị Diệu L. trả số tiền 200 triệu đồng cho nguyên đơn như cấp sơ thẩm tuyên là không có cơ sở.

[4] Xét sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn đang thực hiện Giấy mượn tiền ngày 16/3/2012 và 27/4/2012, trong đó lãi suất của số tiền vay 150 triệu đồng là 3%/tháng tương đương 36%/năm và lãi suất của số tiền vay 200 triệu đồng là 4%/tháng tương đương 48%/năm là không phù hợp theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 qui định là 20%/năm nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn lãi suất của hai khoản tiền nêu trên tính từ thời điểm cho vay đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2019 là 357.206.250 đồng là phù hợp tại đoạn 1 điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo phần lãi suất của số tiền vay 150 triệu đồng là đã hết thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở, bởi việc giao kết của các bên được xác định là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, có lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn về thời hạn trả của hai khoản tiền vay 350 triệu đồng cùng với lãi suất theo Thông báo yêu cầu trả nợ ngày 25/4/2018 là phù hợp như vừa phân tích trên.

[5] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cấp sơ thẩm tuyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2018/QĐ-BPKCTT ngày 18/12/2018 có hiệu lực thi hành ngay nhưng không đề cập đến việc tiếp tục duy trì nhằm đảm bảo thi hành án đối với số tiền buộc bị đơn trả cho nguyên đơn như vừa nêu trên là không chính xác. Mặt khác, trong quyết định này thể hiện việc phong tỏa nhà đất của vợ chồng ông Huỳnh Quốc T. theo Giấy CNQSDĐ ngày 22/02/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM nhưng không thể hiện nội dung ghi nhận là đã thay thế Giấy CNQSDĐ ngày 12/3/2012 hiện nguyên đơn đang giữ bản chính là không còn hiệu lực pháp luật nên cần phải bổ sung, kể cả việc ghi tên người có nghĩa vụ cụ thể là ông Huỳnh Quốc T. và bà Võ Thị Diệu L. . Xét Văn bản ngày 09/6/2020, AGRIBANK Chi nhánh Phước Kiển – Phòng giao dịch Thanh niên cho biết “ ... đang củng cố hồ sơ để khởi kiện ông Huỳnh Quốc T. và bà Võ Thị Diệu L. tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè.” do vi phạm nghĩa vụ về thời hạn thanh toán Hợp đồng tín dụng số 6350LAV201800060 và Hợp đồng thế chấp số 6350LCP201800062 ngày 31/01/2018 nên cấp phúc thẩm không cần xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vì việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên của bị đơn có liên quan đến quyết định ban hành này.

[6] Việc tiếp tục duy trì quyết định như vừa phân tích, cấp sơ thẩm không xem xét đến số tiền 200 triệu đồng của nguyên đơn nộp ngày 13/12/2018 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hàm Tân – Bình Thuận theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2018/QĐ-BPBD ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, TP.HCM là có thiếu sót, cần phải bổ sung để nguyên đơn nhận lại số tiền này mặc dù không kháng cáo nhưng cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo đơn kháng cáo của bị đơn có liên quan đến khoản tiền này.

[7] Cấp sơ thẩm nhận định chi phí bồi dưỡng giám định chữ ký, chữ viết (BL91) do bị đơn chịu nhưng không tuyên tại phần quyết định của bản án là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[8] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[9] Cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm nên hoàn trả số tiền tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quốc Tuấn và bà Võ Thị Diệu L. . Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 328/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, TP.HCM như sau:

1.1 Buộc ông Trần Quốc Tuấn, bà Võ Thị Diệu L. thanh toán cho ông Phạm Ngọc M. , bà Dương Thị Thái H. tổng số tiền 707.206.250đ (Bảy trăm linh bảy triệu hai trăm linh sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng), bao gồm số tiền vay 350.000.000 đồng theo các Giấy mượn tiền ngày 16/3/2012 và ngày 27/4/2012 cộng với lãi suất của số tiền vay 150.000.000 đồng tính từ 16/3/2012 và lãi suất của số tiền vay 200.000.000 đồng tính từ ngày 27/4/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2019 là 357.206.250 đồng.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật hoặc tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Ngọc M. và bà Dương Thị Thái H., nếu ông Trần Quốc Tuấn và bà Võ Thị Diệu L. không thanh toán hoặc chậm thanh toán thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất hoặc nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2 Tiếp tục duy trì Quyết định số 12/2018/QĐ-BPKCTT ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, TP.HCM về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của ông Huỳnh Quốc T., bà Võ Thị Diệu L. đối với diện tích đất 68,9m² (diện tích nhà 62,1m²) thuộc thửa 677, tờ bản đồ 56 tại 4/4 ấp 3, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 867396 ngày 22/02/2016 (số vào sổ cấp GCN: CS 05615) của Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM (được thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 216286, số vào sổ cấp GCN: CH01640 ngày 12/3/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, TP.HCM hiện ông Phạm Ngọc M. và bà Dương Thị Thái H. đang giữ bản chính vì không còn hiệu lực pháp luật) hoặc giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất còn lại sau khi ông Huỳnh Quốc T. và bà Võ Thị Diệu L. thực hiện xong Hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6350LCP201800062/HĐTC ngày 31/01/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phước Kiến – Phòng giao dịch Thanh niên” nhằm đảm bảo thi hành án.

1.3 Ông Phạm Ngọc M. và bà Dương Thị Thái H. nhận lại số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) trong tài khoản số 4802205025040 theo Giấy nộp tiền ngày 13/12/2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hàm Tân – Bình Thuận thực hiện theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2018/QĐ-BPBD ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, TP.HCM.

2. Về án phí dân sự và chi phí tố tụng:

Ông Trần Quốc Tuấn và bà Võ Thị Diệu L. chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.288.250đ (Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm Ngọc M. và bà Dương Thị Thái H. số tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 25.188.240đ (Hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu số 033001 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, TP.HCM.

Hoàn trả cho ông Trần Quốc Tuấn và bà Võ Thị Diệu L. tổng số tiền tạm nộp án phí phúc thẩm là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số 034621 và 034622 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, TP.HCM.

Ông Trần Quốc Tuấn và bà Võ Thị Diệu L. chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng) theo Phiếu thu số 227 ngày 29/3/2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại TP.HCM.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Huyện Nhà Bè, TP.HCM;
- Chi cục THADS Huyện Nhà Bè, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Mỹ Cúc